

Bản án số: 64/2018/HS-ST  
Ngày: 16/4/2018

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Quý Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Lân.
2. Bà Trần Thị Thanh Xuân.

***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Trương Bảo Long- Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Thanh Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2018, tại trường Đại học Luật Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2018/TLST- HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST- HS ngày 06/4/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Quách T (Tên gọi khác: Không); giới tính: Nam; sinh ngày 01/4/1967, tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Đường Đ, phường TT, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghề nghiệp: Thợ quay phim, hớt tóc; Trình độ văn hóa : 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Quách C (đã chết), con bà Nguyễn Thị C (đã chết); Vợ: Nguyễn Thị L K, sinh năm 1963; Có 02 con, sinh các năm 1996 và 2002; Gia đình có 13 anh chị em ruột, bị cáo là con út trong gia đình; Tiền án: không, tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 22/5/1992, bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 02 năm tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; Năm 1993, chấp hành xong hình phạt, trở về địa phương sinh sống đến ngày gây án. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 20/11/2017 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Ông Nguyễn Hữu T, sinh năm 1950; Địa chỉ: Tổ TT, phường HX, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L K, sinh năm 1963; Địa chỉ: Đường Đ, phường TT, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

\* Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Hữu L, sinh năm 1940; Địa chỉ: Phường TL, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.
- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990; Địa chỉ: Phường HX, thị xã HT, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.
- Ông Lê Chí T, sinh năm 1959; Địa chỉ: Phường TH, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bản cáo trạng số: 54/CT-VKS ngày 13 tháng 03 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Quách T về hành vi phạm tội như sau:

Quách T là cháu rể của ông Nguyễn Hữu L. Khoảng tháng 5/2015, Quách T gặp ông L tại đám giỗ của chị ruột ông L. Qua nói chuyện, T biết ông L có người cháu tên là Nguyễn Thị H vừa mới tốt nghiệp Trung cấp Y tế và đang có nhu cầu xin việc làm. Quách T đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên tự giới thiệu với ông L là mình có khả năng xin cho cháu H vào làm việc ở bệnh viện trên địa bàn thành phố Huế. Ông L tin là thật, nên đã nói lại với ông Nguyễn Hữu T (là bố của chị H). Ông T nghe vậy, đồng ý nhờ T giúp đỡ và bảo cháu H chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc để đưa cho T. Ngày 12/5/2015, T hẹn gặp ông Nguyễn Hữu T tại nhà ông L. Tại đây, T tự giới thiệu mình có nhiều mối quan hệ quen biết, có khả năng xin cho cháu H vào làm việc tại bệnh viện trên địa bàn thành phố Huế, với chi phí là 100.000.000 đồng, cần đưa trước cho T 20.000.000 đồng. Ông T tin là thật, nên đã đưa cho T số tiền 10.000.000 đồng, hai bên không viết giấy tờ gì khi giao nhận tiền.

Sau đó, Quách T tiếp tục liên hệ với ông T, nhiều lần yêu cầu đưa thêm tiền cho T để lo xin việc cho cháu Hạnh, những lần này ông T cũng không yêu cầu T viết giấy tờ biên nhận tiền, cụ thể: Ngày 01/6/2015 là 10.000.000 đồng; Ngày 25/8/2015 là 8.500.000 đồng; Ngày 13/9/2015 là 10.000.000 đồng; Ngày 18/01/2016 là 3.000.000 đồng.

Ngày 22/4/2016, T đến gặp và yêu cầu ông T đưa thêm 10.000.000 đồng. Do thấy lâu mà T chưa xin được việc cho con của mình, ông T nghi ngờ, nên lần này đã yêu cầu T phải viết giấy biên nhận tiền. Sau khi nhận tiếp số tiền 10.000.000 đồng từ ông T, T đã tự tay viết một giấy mượn tiền đề ngày 22/4/2016.

Như vậy, Quách T đã 06 lần nhận tiền từ ông Nguyễn Hữu T với tổng số tiền là 51.500.000 đồng. Sau khi nhận tiền, Quách T không xin việc cho chị Nguyễn Thị H như đã hứa, chiếm đoạt toàn bộ số tiền trên sử dụng vào mục đích cá nhân.

Sau thời gian dài chờ đợi, ông T biết T không có khả năng xin việc cho con của mình nên nhiều lần liên hệ và đến nhà T để đòi lại tiền. Ngày 11/6/2017, Quách T mới trả lại cho ông T số tiền 500.000 đồng.

Vật chứng đã thu giữ gồm: Một giấy mượn tiền ghi ngày 22/4/2016; Một giấy nhận tiền và xác nhận thiếu nợ ghi ngày 11/6/2017; Một bộ hồ sơ xin việc

mang tên Nguyễn Thị H; Tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, số tiền 5.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, bà Nguyễn Thị L K đã tự nguyện giao nộp số tiền 5.000.000 đồng để bồi thường thay cho Quách T. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho ông Nguyễn Hữu T; Ông T yêu cầu T phải tiếp tục bồi thường cho mình số tiền còn lại là 46.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên Cáo trạng, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Quách T từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) 06 (Sáu) tháng tù; buộc bị cáo phải bồi thường cho ông T số tiền 46.000.000 đồng và chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Quách T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, các người tham gia tố tụng khác đã khẳng định:

[1] Khoảng tháng 5/2015, Quách T đến nhà ông Nguyễn Hữu L thì nghe ông L nói có người cháu Nguyễn Thị H con của ông Nguyễn Hữu T muốn xin việc làm. Vì muốn có tiền tiêu xài, nên Quách T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. Bị cáo đã lợi dụng vào mối quan hệ quen biết giữa ông Nguyễn Hữu L và ông Nguyễn Hữu T, Quách T đã đưa ra thông tin sai lệch, không đúng sự thật nói với ông T là mình có khả năng xin việc cho chị Nguyễn Thị H vào làm tại một bệnh viện trên địa bàn thành phố Huế và yêu cầu ông T đưa 100.000.000 đồng để giao dịch xin việc. Ông T tin tưởng nên đồng ý giao tiền cho Quách T 06 lần mỗi khi T yêu cầu, tổng cộng là 51.500.000 đồng. Nhưng thật chất bị cáo chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cho bản thân mình. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn trên là chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo thấy rằng:

hành vi bị cáo gây ra phạm vào khung hình phạt nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự an ninh trong xã hội. Bị cáo tuổi đời đã lớn, có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, bản thân bị cáo cũng đã từng bị pháp xử phạt tù về hành vi chiếm đoạt tài sản, nhưng bị cáo không lấy đó để học tập, rèn luyện trở thành người tốt mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm, để giáo dục, đồng thời răn đe phòng ngừa chung và bảo vệ trật tự an toàn xã hội. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, xét cho bị cáo đã tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại; quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo,

nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Hữu Trữ yêu cầu bị cáo Quách Thông phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 46.000.000 đồng. Hội đồng xét xử Xét thấy, yêu cầu của của ông Trữ là hợp lý, đúng quy định pháp luật. Căn cứ Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự ; buộc bị cáo Quách Thông phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu Trữ số tiền 46.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với một giấy mượn tiền ghi ngày 22/4/2016; Một giấy nhận tiền và xác nhận thiếu nợ ghi ngày 11/6/2017; Một bộ hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Thị Hạnh (Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án). Tịch thu, tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139, điểm b, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Tuyên bố bị cáo Quách T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Quách T 02 (Hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 20/11/2017.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 Bộ luật Hình sự năm 1999, được sửa đổi, bổ sung năm 2009; khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 586; khoản 1 Điều 589 Bộ luật Dân sự ; buộc bị cáo Quách T phải bồi thường cho ông Nguyễn Hữu T số tiền 46.000.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án và kể từ ngày ông Nguyễn Hữu T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo Quách T chưa trả đủ số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu Hội

đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu, một giấy mượn tiền ghi ngày 22/4/2016; Một giấy nhận tiền và xác nhận thiếu nợ ghi ngày 11/6/2017; Một bộ hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Thị Hạnh (Hiện các vật chứng đang được lưu giữ tại hồ sơ vụ án) tiếp tục lưu hồ sơ vụ án.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết 326 /2016/ UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Quách T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TP Huế;
- Công an TP Huế;
- Sở tư pháp;
- Phòng PV 27 Công an T-T-Huế;
- Bị cáo; bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Quý Vân**